

PHIẾU THU BÀI

Học kỳ ... , năm học : 20 ... – 20 ...

Môn học:

Số TC:.....

Lớp: Thiết kế Mỹ thuật Hoạt hình K44.

Hình thức thi:.....

Ngày thi (kiểm tra):

S TT	Họ và tên	Số đề	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
1	Nguyễn Văn An				
2	Đào Nhật Anh				
3	Đỗ Phương Anh				
4	Nguyễn Ngọc Quý Anh				
5	Đào Thị Nguyệt Ánh				
6	Nguyễn Khánh Chi				
7	Nguyễn Thị Kim Chi				
8	Nguyễn Phong Đạt				
9	Ngô Thị Hương Giang				
10	Lê Văn Hà				
11	Dương Minh Hằng				
12	Trần Ngọc Giáng Hương				
13	Ong Kim Khánh				
14	Ngô Bằng Linh				
15	Nguyễn Thị Khánh Linh				
16	Lê Thị Bích Ngọc				
17	Lê Nguyễn Nguyệt Nhi				
18	Nguyễn Yến Nhi				
19	Đỗ Thanh Thảo				
20	Lê Anh Thư				
21	Nguyễn Thủy Tiên				
22	Nguyễn Phương Trang				
23	Lưu Tiến Trung				
24	Phạm Đức Tuấn				
25	Đỗ Hà Vy				
26	Bùi Tuấn Anh				

Giảng viên coi thi 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giảng viên coi thi 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHIẾU CHẤM ĐIỂM THI VIẾT

Học kỳ ... , năm học : 20 ... – 20 ...

Môn học:

Số TC:.....

Lớp: Thiết kế Mỹ thuật Hoạt hình K44.

STT	Họ và tên	Số phách	Điểm		Ghi chú
			(Bằng số)	(Bằng chữ)	
1	Nguyễn Văn An				
2	Đào Nhật Anh				
3	Đỗ Phương Anh				
4	Nguyễn Ngọc Quý Anh				
5	Đào Thị Nguyệt Ánh				
6	Nguyễn Khánh Chi				
7	Nguyễn Thị Kim Chi				
8	Nguyễn Phong Đạt				
9	Ngô Thị Hương Giang				
10	Lê Văn Hà				
11	Dương Minh Hằng				
12	Trần Ngọc Giáng Hương				
13	Ong Kim Khánh				
14	Ngô Bằng Linh				
15	Nguyễn Thị Khánh Linh				
16	Lê Thị Bích Ngọc				
17	Lê Nguyễn Nguyệt Nhi				
18	Nguyễn Yến Nhi				
19	Đỗ Thanh Thảo				
20	Lê Anh Thư				
21	Nguyễn Thủy Tiên				
22	Nguyễn Phương Trang				
23	Lưu Tiến Trung				
24	Phạm Đức Tuấn				
25	Đỗ Hà Vy				
26	Bùi Tuấn Anh				

Tổng số bài thi:.....

Ngày khớp điểm:...../...../20.....

Cán bộ khớp điểm

(Ký, ghi rõ họ tên)

Khoa/Trung tâm

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHIẾU CHẤM ĐIỂM THI VẤN ĐÁP, THỰC HÀNH

Học kỳ ... , năm học: 20 ... – 20 ...

Môn học:

Số TC:.....

Lớp: Thiết kế Mỹ thuật Hoạt hình K44.

Ngày thi (kiểm tra):.....

STT	Họ và tên	Số phiếu thi	Điểm tổng nhất của 2 GV		Chữ ký SV	Ghi chú
			(Bảng số)	(Bảng chữ)		
1	Nguyễn Văn An					
2	Đào Nhật Anh					
3	Đỗ Phương Anh					
4	Nguyễn Ngọc Quý Anh					
5	Đào Thị Nguyệt Ánh					
6	Nguyễn Khánh Chi					
7	Nguyễn Thị Kim Chi					
8	Nguyễn Phong Đạt					
9	Ngô Thị Hương Giang					
10	Lê Vân Hà					
11	Dương Minh Hằng					
12	Trần Ngọc Giáng Hương					
13	Ong Kim Khánh					
14	Ngô Bằng Linh					
15	Nguyễn Thị Khánh Linh					
16	Lê Thị Bích Ngọc					
17	Lê Nguyễn Nguyệt Nhi					
18	Nguyễn Yến Nhi					
19	Đỗ Thanh Thảo					
20	Lê Anh Thư					
21	Nguyễn Thủy Tiên					
22	Nguyễn Phương Trang					
23	Lưu Tiến Trung					
24	Phạm Đức Tuấn					
25	Đỗ Hà Vy					
26	Bùi Tuấn Anh					

Giảng viên chấm thi 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giảng viên chấm thi 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHIẾU TỔNG KẾT ĐIỂM HỌC PHẦN

Hình thức đào tạo:

Học kỳ:, năm học: 20... - 20...

Môn học:

Số TC:.....

Lớp: Thiết kế Mỹ thuật Hoạt hình K44.

Hình thức thi:.....

TT	Họ và tên sinh viên	Điểm chuyên cần (Hệ số 1)	Điểm TB kiểm tra (Hệ số 3)	Điểm thi học phần (Hệ số 6)	Điểm tổng kết học phần	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Nguyễn Văn An					
2	Đào Nhật Anh					
3	Đỗ Phương Anh					
4	Nguyễn Ngọc Quý Anh					
5	Đào Thị Nguyệt Ánh					
6	Nguyễn Khánh Chi					
7	Nguyễn Thị Kim Chi					
8	Nguyễn Phong Đạt					
9	Ngô Thị Hương Giang					
10	Lê Văn Hà					
11	Dương Minh Hằng					
12	Trần Ngọc Giáng Hương					
13	Ong Kim Khánh					
14	Ngô Bằng Linh					
15	Nguyễn Thị Khánh Linh					
16	Lê Thị Bích Ngọc					
17	Lê Nguyễn Nguyệt Nhi					
18	Nguyễn Yến Nhi					
19	Đỗ Thanh Thảo					
20	Lê Anh Thư					
21	Nguyễn Thủy Tiên					
22	Nguyễn Phương Trang					
23	Lưu Tiến Trung					
24	Phạm Đức Tuấn					
25	Đỗ Hà Vy					

26	Bùi Tuấn Anh					

Nhận phiếu

Ngày.....tháng.....năm 20....

CÁN BỘ PHÒNG ĐT, QLKH và HTQT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20....

KHOA/TRUNG TÂM

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20....

GIẢNG VIÊN BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)